

Bản án số: 243/2024/HS-ST

Ngày: 23-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Dòn - Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 291/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Hoàng D, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 193/42/28 đường số F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: Nhà không số, Tổ B, Ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn C sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1969; vợ Huỳnh Thị Ngọc P, sinh năm: 1991; có hai người con lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/4/2007, bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Sau đó bị cáo có kháng cáo, ngày 06/7/2007 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên giữ nguyên án sơ thẩm. Đã chấp hành hình phạt xong ngày 10/5/2008, đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/7/2007. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đương nhiên xóa án tích.

- Ngày 19/9/2017, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 04 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 18/11/2020, đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 05/3/2018. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/01/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Huỳnh Phan Kim Y, sinh năm: 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ H, Ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn dân sự: Ông Lại Văn N, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: B, Tổ F, Ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lại Vĩnh L, sinh năm: 1974 – Chủ hộ kinh doanh K (vắng mặt).

Địa chỉ: D Ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Trương Hoàng D nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người khác. Vào khoảng 09 giờ 40 phút ngày 17/01/2024, D điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda AirBade, biển số 56P2-6659 đến đường L, Ấp C, xã V, huyện B thì nhìn thấy bà Huỳnh Phan Kim Y đang đứng nói chuyện với chị Trần Thị C1, trên cổ bà Y có đeo 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng, Trương Hoàng D điều khiển xe chạy ngược chiều, từ phía sau chạy đến và dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền bà Y đang đeo, rồi tăng ga bỏ chạy tẩu thoát. Sau đó, D mang sợi dây chuyền vừa giật được đến tiệm V thuộc Ấp D, xã V gặp anh Lại Văn Nghĩa L1 chủ tiệm vàng, D nói sợi dây chuyền bị người khác giật đứt nên muốn bán. Anh N không biết sợi dây chuyền là tài sản do D phạm tội mà có nên đồng ý mua với giá 5.500.000 đồng, D lấy 3.500.000 đồng đóng tiền học cho con, còn 2.000.000 đồng D đi trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó, bà Huỳnh Phan Kim Y đến Công an xã V để trình báo sự việc và giao nộp 01 tờ giấy đảm bảo vàng bạc đá quý K1 (L), 41 viên bi lớn bằng kim loại màu trắng, 32 viên bi nhỏ bằng kim loại màu trắng. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B bắt giữ Trần Hoàng D1 thu giữ quần, áo, nón bảo hiểm và xe mô tô; anh N giao nộp 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng, 32 viên bi kim loại màu trắng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 1584/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Sợi dây chuyền kim loại màu trắng có giá trị là 8.400.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trương Hoàng D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội chiếm đoạt sợi dây chuyền kim loại màu trắng, 32 viên bi kim loại màu trắng của bà Y như đã nêu trên, lời khai của D là phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ:

- 1 sợi dây chuyền kim loại màu trắng, (16 viên nhỏ và 16 viên lớn).
- 01 quần kaki màu xám, ngắn; 01 áo thun ngắn tay màu đen, 01 đôi dép

xốp màu xám, 01 nón bảo hiểm màu xanh đen.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu honda AIR BLADE, biển số 56P2-6695, Số khung: RLHJF1802AY378529, Số máy: JF27E0428229.

- 01 USB (kèm hồ sơ).

Tại bản cáo trạng số 283/CT-VKS ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Hoàng D về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Hoàng D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù. Tịch thu và tiêu hủy vật chứng còn lại, bảo lưu hồ sơ 01 USB, bồi thường 5.500.000 đồng cho ông Lại Văn N.

Bị cáo Trương Hoàng D khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Hoàng D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như nội dung cáo trạng đã truy tố. Vào lúc 09 giờ 40 phút ngày 17/01/2024, D có hành vi điều khiển xe mô tô 56P2-6695 khi đến đoạn đường L Ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì D đã giật sợi dây chuyền kim loại màu trắng, 32 viên bi kim loại màu trắng trên cổ bà Huỳnh Phan Kim Y. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, vật chứng vụ án, những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Theo kết quả định giá, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 8.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo sử dụng xe máy làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội (được xem là dùng thủ đoạn nguy hiểm), là tình tiết định khung trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ

luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng hành vi, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án.

[5] Xét nhân thân bị cáo: bị cáo đã 02 lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hình phạt tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích nhưng bị cáo không tu tâm dưỡng tính mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết mà Hội đồng xét xử cần lưu ý khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án:

[8] 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng, (16 viên nhỏ và 16 viên lớn) do anh Lại Văn N giao nộp và 73 viên bi kim loại màu trắng (32 viên nhỏ và 41 viên lớn) do bà Huỳnh Phan Kim Y giao nộp: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Huỳnh Phan Kim Y.

[9] 01 quần kaki màu xám, ngắn; 01 áo thun ngắn tay màu đen, 01 đôi dép xốp màu xám, 01 nón bảo hiểm màu xanh đen, thu giữ của D khi thực hiện hành vi Cướp giật tài sản, có giá trị không lớn, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[10] 01 xe mô tô nhãn hiệu honda AIR BLADE, biển số 56P2-6695, Số khung: RLHJF1802AY378529, Số máy: JF27E0428229 thu giữ của D. Qua xác minh chủ sở hữu là ông Trương Văn C (cha bị can D), ông C không biết D mượn xe để thực hiện hành vi Cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Bảo lưu hồ sơ 01 USB ghi nhận diễn biến sự việc.

[12] Về dân sự:

[13] - Bị hại Huỳnh Phan Kim Y đã nhận lại tài sản bị cướp giật và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] - Ông Lại Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000 đồng, là số tiền anh N mua sợi dây chuyền của bị cáo và bị thu hồi tài sản; tại phiên tòa bị cáo D đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên HĐXX ghi nhận.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh đối với bị cáo, xử lý vật chứng vụ án và chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trương Hoàng D 05 (năm) năm tù** về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2024.

Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy: 01 quần kaki màu xám, ngắn; 01 áo thun ngắn tay màu đen, 01 đôi dép xốp màu xám, 01 nón bảo hiểm màu xanh đen (vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/9/2024 Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

Bảo lưu hồ sơ vụ án 01 USB.

Về dân sự: Ghi nhận việc bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Lại Văn N số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TAND TPHCM; | (1) |
| - VKSND TPHCM; | (1) |
| - VKSND huyện Bình Chánh; | (1) |
| - CA huyện Bình Chánh; | (1) |
| - Chi cục THADS H. Bình Chánh; | (1) |
| - PV06 - Công an TPHCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TPHCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Đương sự; | (6) |
| - Lưu. | (3) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duy Linh



